TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/HNGĐ - ST
Ngày 14 – 9 – 2017.
V/v tranh chấp về cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Mai Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Thái.

2. Bà Nguyễn Thị Miền.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Như Loan – Là thư ký của Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Ngày 14/9/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2017/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2017 về tranh chấp về cấp dưỡng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2017/QĐXX-ST ngày 01/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25 ngày 11/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh B, sinh năm 1971. Có mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ 12, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ 32, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/5/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Anh B trình bày: Anh Nguyễn Anh B và chị Nguyễn Thị N kết hôn ngày 17/3/2002, ngày 20/02/2004 sinh cháu Nguyễn B. Năm 2013 đã được Toà án nhân dân thành phố L công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung tại quyết định số 88/2013/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2013, Toà án giao cháu Nguyễn B, sinh ngày 20/02/2004 cho anh Nguyễn Anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nhưng đến nay do điều kiện kinh tế khó khăn, một mình anh B nuôi dưỡng không đảm bảo cuộc sống cho cháu B đầy đủ, mỗi tháng tiền sinh hoạt, tiền học, sách vở …cho cháu B hết 3.000.000đ đến 3.500.000đ. Anh B

xét thấy việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm chung của cả bố và mẹ, để đảm bảo cuộc sống cho cháu B, anh Nguyễn Anh B đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị N phải đóng góp một phần để nuôi dưỡng con chung là 2.000.000đ/tháng *(Hai triệu đồng)* kể từ ngày 01/5/2017 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa anh Nguyễn Anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình

Tại bản tự khai chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị N và anh B kết hôn ngày 11/3/2002 và trong quá trình chung sống chị và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn B – sinh năm 2004. Ngày 01/8/2013, chị và anh B được Tòa án công nhận ly hôn, anh Nguyễn Anh B không yêu cầu chị N đóng góp nuôi con. Chị N cũng không cấp dưỡng nuôi con, vì chị và anh B có ngôi nhà ở bờ kè An Dương Vương, anh B cho thuê 10 triệu một tháng, đủ để anh Nguyễn Anh B nuôi cháu ăn học. Hiện nay anh B vẫn đang kinh doanh. Đến nay anh B yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/1 tháng, quan điểm cuả chị N như sau: Hiện nay chị không có công ăn việc làm và nuôi hai con nhỏ, thu nhập hàng tháng chỉ được 1.000.000đ, chị N đồng ý cấp dưỡng với mức là 01 triệu một tháng kể từ khi Tòa án xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập chị Nguyễn Thị N để tiến hành phiên hòa giải, nhưng chị Nguyễn Thị N vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung:

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Nguyễn Anh B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn B mỗi tháng 2.000.000đ kể từ ngày 01/5/2017 cho đến khi cháu Nguyễn B đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị N nhất trí mức cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng. Căn cứ vào mức thu nhập của chị Nguyễn Thị N hàng tháng, hơn nữa chị N hiện nay đang nuôi hai con nhỏ, điều kiện kinh tế khó khăn hơn, còn anh Nguyễn Anh B hiện nay kinh doanh hàng ăn, có mức thu nhập là 5.000.000đ/tháng nên có điều kiện hơn chị Nguyễn Thị N. Căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của chị Nguyễn Thị N và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Anh B, buộc chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung cho cháu Nguyễn B 1.200.000đ/tháng cho đến khi cháu Nguyễn B đủ 18 tuổi.

[3]. Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 107; Điều 110; Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;Căn cứ khoản 1 Điều 147; Khoản1của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a, điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Anh B.

2. Buộc chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Anh B cho cháu Nguyễn B, sinh ngày 20/02/2004 là 1.200.000đ *(Một triệu hai trăm ngàn đồng)*/1tháng cho đến khi cháu Nguyễn B đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án, có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của só tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 – Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Anh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho anh B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0004309 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án thành phố L.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Mai Phương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND TP. Lào Cai (1);
- Chi cục THADS TP. Lào Cai (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu Văn phòng (1); Lưu hồ sơ (1);